

Bản án số: **07/2023/HNGĐ-ST**.

Ngày: 13 - 01 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Hồng Thái

Bà Hoàng Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên. Vắng mặt.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/ TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Lê Văn T; sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Th; sinh năm 1997; nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Mai Văn Khuê, nơi cư trú: Xóm An Vinh, xã Trực Chính, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Mai Thị Mừng, nơi cư trú: Thôn Phú Trung, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Lê Thị Tuyết, sinh năm 1983, nơi cư trú: Xóm An Thành, xã Trực Chính, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Lê Thị Dung, sinh năm 1962 và ông Lê Văn Chiến, sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn Phú Trung, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Chị Lê Thị Dinh, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn Nhự Nương, xã Phương Định, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Trần Thị Mừng, sinh năm 1972, nơi cư trú: Xóm An Định, xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Chị Nguyễn Thị Miển, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn Trung Khê, xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Chị Nguyễn Thị Là, sinh năm 1983 và anh Vũ Ngọc Thông, sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn Phú Trung, xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Lương Thị Sen, sinh năm 1962, nơi cư trú: An Lăng – An Thịnh, xã Trục Chính, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Bà Vũ Thị Hiếu, sinh năm 1962, nơi cư trú: Thôn Phú Trung, xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh T, bà Dung, ông Chiến, bà Hiếu có mặt.

Chị Th, chị Tuyết, chị Dinh, bà Dung, chị Hiền, bà Miển, chị Là có đơn xét xử vắng mặt

Bà Mừng, ông Khuê vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu Th kết hôn vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ ngày 20/04/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ ngày 01/07/2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh đề nghị ly hôn với chị Th để yên tâm làm ăn, sinh sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Gia B, sinh ngày 20/08/2017. Hiện con chung đang ở cùng với chị Th. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2019, vợ chồng anh có xây dựng 01 ngôi nhà một tầng mái bằng diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> trên diện tích đất tại thửa số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến (Bố đẻ anh). Các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc điều hòa nhãn hiệu Sharp, 01 ti vi LG 32 inches, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ lạnh và 01 xe máy Vision BKS 18B2 - 10382 mua năm 2018 hiện do chị Th và sử dụng.

Việc chị Th khai vợ chồng anh có tài sản chung là chiếc xe ô tô Grand i10 hai đầu là không đúng. Anh lái xe thuê và có hợp đồng thuê xe anh đã giao nộp cho Tòa án. Khoảng năm 2018 đến năm 2020, anh có thuê xe ô tô Grand i10 hai đầu của công ty Victaxi. Sau đó, anh bị tai nạn nên đã chấm dứt hợp đồng thuê xe

ô tô Grand i10 này. Sau đó, anh tiếp tục thuê xe Vios và việc này chị Th có đi cùng với anh. Tháng 11 năm 2021, vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn nên anh đã chấm dứt việc thuê xe Vios và về quê lái xe thuê. Anh xác định anh không mua xe ô tô Grand i10 hai đầu như chị Th đã trình bày. Về chiếc xe máy Wave màu trắng chị Th khai là anh mua cũng hoàn T không đúng. Anh không mua chiếc xe máy này; TV Sam sung 49 inch như chị Th khai không phải của vợ chồng anh mà của vợ chồng anh trai anh.

Về công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh có vay tiền, vàng của một số người cụ thể như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh có vay 23 chỉ vàng 9999 và 76 triệu đồng của chị Lê Thị Tuyết. Vì là chị em nên chị Tuyết cho vay không tính lãi suất. Khi vay, chị Th có viết biên bản vay tiền, vàng. Mục đích vay để làm nhà.

Khoảng tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh có vay 05 chỉ vàng 9999 của bố mẹ đẻ anh là bà Lê Thị Dung và ông Lê Văn Chiến. Vì là người trong gia đình nên cho vay không tính lãi suất và không có giấy biên nhận. Mục đích vay để làm nhà.

Khoảng tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh có vay 05 chỉ vàng 9999 và 22 triệu đồng của chị gái anh là chị Lê Thị Dinh. Vì là chị em nên cho vay không tính lãi suất và không có giấy biên nhận. Mục đích vay để làm nhà.

Khoảng tháng 8 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh còn nợ 10 triệu đồng tiền vật liệu xây nhà của bà Trần Thị Mừng.

Khoảng tháng 6 năm 2021, vợ chồng anh có vay 20 triệu đồng của chị Nguyễn Thị Miên. Vì là chỗ quen biết nên khi vay không tính lãi và không có giấy biên nhận. Mục đích vay là để traer nợ khi anh bị tai nạn xe.

Ngày 10/09/2019, vợ chồng anh có vay 130 triệu đồng của vợ chồng anh Vũ Ngọc Thông và chị Nguyễn Thị Là. Việc vay tiền anh có ký giấy biên nhận và thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 0.9%/ tháng. Khi giao tiền có mặt vợ chồng anh và vợ chồng anh Thông, chị Là tại nhà của anh Thông. Đến nay, anh vẫn trả lãi suất hàng tháng cho vợ chồng anh Thông, chị Là từ khi vay đến tháng 10/2022. (Trung bình mỗi tháng khoảng 1.200.000 đồng).

Khoảng thời gian tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh có vay 10 triệu đồng của bà Lương Thị Sen. Vì mối quan hệ thân thiết, nên khi vay không tính lãi suất và không có giấy biên nhận.

Tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh có tham gia chơi phường của bà Vũ Thị Hiếu và ông Vũ Văn Ca. Phường chơi gồm 22 suất chơi, mỗi suất đóng 1 chỉ vàng 9999, một năm đóng 3 lần. Ngày 10/10/2019, chị Th đã rút phường được 22 chỉ vàng 9999 và chị Th có ký vào giấy nhận phường ( vợ chồng anh lấy suất thứ 4). Vợ chồng anh đã đóng được 12 chỉ vàng 9999 trong đó có 02 chỉ vàng 9999 là mượn của vợ chồng ông Ca, bà Hiếu. Vợ chồng anh còn 10 suất chưa đóng.

Vợ chồng anh có vay của ông Mai Văn Khuê (cậu ruột của chị Th) số tiền

là 5 triệu đồng.

Đối với việc chị Th khai là vợ chồng chị có vay của bà Mừng (mẹ đẻ chị Th) 12 triệu là không đúng. Anh không biết việc này và xác định không liên quan.

Ngoài ra, vợ chồng anh không còn tài sản chung, công nợ chung nào khác. Nếu thỏa thuận được với nhau, anh có nguyện vọng được sử dụng ngôi nhà của vợ chồng xây năm 2019 và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình. Anh đồng ý để chị Th sở hữu và sử dụng chiếc xe máy Vision. Anh sẽ có trách nhiệm trả T bộ công nợ chung của vợ chồng. Nếu chị Th không đồng ý thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/08/2022, bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Chị có nhận được các thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải của Tòa án về việc anh Lê Văn T có đơn xin ly hôn với chị. Tuy nhiên, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị không muốn hòa giải nữa. Vì vậy chị không đến Tòa án để hòa giải. Chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung như anh T trình bày. Hiện con chung đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện tại chị đang làm công nhân tại công ty Amara, thu nhập hàng tháng khoảng 8 triệu đồng. Ngoài ra, chị có làm thêm ở ngoài, thu nhập khoảng 3 triệu đến 4 triệu. Bản thân mẹ con chị đang ở cùng với mẹ đẻ của chị ở Phương Định. Gia đình có 01 nhà mái bằng một tầng. Cháu Bảo hiện đang theo học tại trường mầm non xã Phương Định.

Về tài sản riêng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 01 ngôi nhà một tầng mái bằng xây dựng năm 2019, diện tích khoảng 100m<sup>2</sup> trên đất của bố mẹ anh T. Diện tích đất này chưa sang tên cho vợ chồng chị. Ngoài ra, còn các vật dụng trong gia đình gồm 02 điều hòa, 01 TV Samsung 49 inches, 01 bộ bàn ghế gồm 01 ghế dài, 02 ghế lớn, 01 bàn, 02 đôn giá trị lúc mua là 30 triệu đồng; 01 tủ lạnh hai cánh nhãn hiệu Sharp, dung tích khoảng 210 L; 01 ô tô Grand i 10 hai đầu (đã bán khoảng tháng 12 năm 2021 được 195 triệu đồng, chị không rõ người mua là ai, không biết xe hiện đang ở đâu); 01 xe máy Vision BKS 18B2 – 10382 mua năm 2018 giá 38 triệu đồng hiện chị đang sử dụng ; 01 xe máy Wave do anh T tự mua và đang sử dụng. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục sử dụng xe máy Vision, BKS 18B2 – 10382, giấy tờ xe mang tên Nguyễn Thị Thu Th và chị đề nghị anh T có trách nhiệm trả lại cho chị giấy tờ xe máy, bằng lái xe và căn cước công dân cho chị. Các tài sản chung khác thì chị đồng ý để anh T tiếp tục sử dụng và yêu cầu anh T phải trả tiền chênh lệch giá trị tài sản chung cho chị. Đối với phần đất vợ chồng chị xây nhà, đây là đất của bố mẹ anh T, chưa sang tên cho vợ chồng chị nên chị không yêu cầu. Đối việc bán xe ô tô Grand i 10 hai đầu chị sẽ có trách nhiệm cung cấp tài liệu, thông tin liên quan trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày

15/08/2022.

Về công nợ chung:

Quá trình xây nhà, vợ chồng chị có vay của chị Lê Thị Tuyết (chị gái anh T) số vàng là 23 chỉ vàng 9999 và 76 triệu đồng. Theo chị được biết là anh T đã trả cho chị Tuyết được 25 triệu đồng.

Vợ chồng chị có vay 110 triệu đồng của anh Vũ Ngọc Thông. Vợ chồng chị đã trả được 70 triệu đồng, còn nợ 40 triệu đồng.

Vợ chồng chị có vay bố mẹ anh T là ông Lê Văn Chiến và bà Lê Thị Dung số vàng là 05 chỉ vàng 9999. Hiện tại vẫn chưa trả.

Vợ chồng chị có vay 10 triệu của bà Lương Thị Sen. Vợ chồng chị đã trả được 5 triệu. Hiện tại còn nợ 5 triệu.

Vợ chồng chị có vay 20 triệu đồng của chị Nguyễn Thị Miên. Hiện tại vẫn chưa trả.

Vợ chồng chị trước đây có nợ 10 triệu đồng tiền vật liệu của bà Mừng (chị không rõ tên họ cụ thể). Hiện tại đã trả xong 10 triệu.

Vợ chồng chị có vay 5 triệu đồng của ông Mai Văn Khuê (cậu ruột của chị). Hiện tại vẫn chưa trả.

Vợ chồng chị có vay 12 triệu đồng của bà Mai Thị Mừng (mẹ đẻ của chị). Hiện tại vẫn chưa trả. Mục đích vay là đóng học cho con và tiền tai nạn của anh T.

Chị xác nhận việc chơi phường của ông Ca. Chị đã lấy tiền phường và đóng xong tiền phường. Tiền phường mục đích để xây nhà.

Tất cả các khoản vay chị nêu ra đều không tính lãi, trừ khoản vay của anh Thông là tính theo lãi suất ngân hàng. Còn các khoản nợ khác mà anh T nêu ra thì chị không biết và chị không có trách nhiệm trả. Đối với khoản nợ chung mà chị nêu trên đều vay vì mục đích xây nhà và tiền tai nạn của anh T nên anh T phải có trách nhiệm trả hết. Những khoản vay mà chị cung cấp là đã trả nợ hết hoặc trả một phần, chị cam đoan trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 15/08/2022 chị sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ liên quan đến việc trả nợ và tài liệu chứng minh mức thu nhập để đảm bảo việc nuôi con chung. Ngoài ra vợ chồng chị không có khoản nợ chung nào khác.

Tại các bản tự khai, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Tuyết, chị Lê Thị Dinh, bà Lê Thị Dung, bà Lương Thị Sen, chị Nguyễn Thị Miên, bà Trần Thị Mừng, chị Nguyễn Thị Là, bà Vũ Thị Hiểu cũng xác nhận nội dung vay mượn tiền, vàng như anh T đã trình bày và yêu cầu vợ chồng anh T, chị Th phải có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Mai Thị Mừng, ông Mai Văn Khuê đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không đến Tòa án trình bày quan điểm.

*\* Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

Nhà ở xây dựng năm 2019, diện tích 75,05m<sup>2</sup> có giá trị là 310 triệu đồng.

Lán tôn phía sau nhà diện tích khoảng 24,75m<sup>2</sup> có giá trị 7.796.000 đồng.

Trụ cổng có giá trị 518.000 đồng.

Sân bê tông có giá trị 3.920.000 đồng.

Tường rào lưng có giá trị 2.625.000 đồng.

Rào thoáng Inox có giá trị là 1.820.000 đồng.

Các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 điều hòa Sharp có giá trị 03 triệu đồng; 01 điều hòa Sharp có giá trị 2 triệu đồng; 01 ti vi LG 32 inch có giá trị 500.000 đồng, bộ bàn ghế có giá trị 15 triệu đồng, kệ ti vi có giá trị 5 triệu đồng, tủ lạnh 02 cánh có giá trị 4.500.000 đồng.

Tổng giá trị nhà và các đồ dùng trong gia đình có giá là 356.679.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Anh T đề nghị ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu Th. Về con chung, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Lê Gia B, sinh ngày 20/08/2017 và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh đề nghị được sử dụng ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc Điều hòa Sharp, 01 ti vi lỗi LG 32 inch, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ lạnh 2 cánh. Anh đồng ý để chị Th sở hữu xe máy Vision, BKS 18B2 – 10382. Về công nợ chung của vợ chồng thì anh sẽ nhận trách nhiệm trả T bộ số công nợ chung của vợ chồng. Đối trừ với phần tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng, nếu có sự chênh lệch thì người này phải trả cho người kia hoặc ngược lại.

Anh T xác nhận đối với khoản nợ của ông Lê Văn Thông và bà Vũ Thị Là anh đã trả lãi đến tháng 12/2022.

Ông Chiến bà Dung trình bày: Vợ chồng ông bà chỉ cho anh T chị Th mượn đất chứ chưa cho hẳn, ngoài ra anh T chị Th còn vay của ông bà 05 chỉ vàng nay ly hôn ông bà yêu cầu trả lại.

Bà Vũ Thị Hiếu trình bày: Tháng 10 năm 2018 âm lịch, vợ chồng anh T, chị Th có tham gia chơi phường của do ông bà làm chủ. Phường chơi gồm 22 suất chơi, mỗi suất đóng 1 chỉ vàng 9999, một năm đóng 3 lần. Ngày 10/10/2019, chị Th đã rút phường được 22 chỉ vàng 9999 và chị Th có ký vào giấy nhận phường (vợ chồng anh lấy suất thứ 4). Vợ chồng anh đã đóng được 12 chỉ vàng 9999 trong đó có 02 chỉ vàng 9999 là mượn của vợ chồng ông Ca, bà Hiếu. Vợ chồng anh còn 10 suất chưa đóng. Nay anh T, chị Th ly hôn bà yêu cầu vợ chồng có trách nhiệm trả 12 chỉ vàng 9999 và không yêu cầu lãi.

***Đại diện VKSND huyện Trực Ninh vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có văn bản nêu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến nguyên đơn đã chấp hành nghiêm

chính quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71; 73 BLTTDS;

Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72; 73 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng anh T, chị Th mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX:

- Xử lý hôn giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu Th.

- Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Lê Gia B, sinh ngày 20/08/2017. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chấp nhận nguyện vọng của anh T về việc giải quyết tài sản chung. Giao cho anh T được sở hữu và T quyền sử dụng ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc Điều hòa Sharp, 01 ti vi lò LG 32 inch, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ lạnh 2 cánh. Giao cho chị Th sở hữu và T quyền sử dụng 01 xe máy Vision, biển kiểm soát 18B2 – 10382.

Về công nợ chung: Anh T chịu trách nhiệm trả T bộ số tiền, vàng đã vay và lãi suất theo thỏa thuận đối với chị Tuyết, chị Dinh, vợ chồng bà Dung và ông Chiến, chị Miên, bà Mừng, vợ chồng anh Thông và chị Là, ông Khuê, vợ chồng bà Hiền và ông Ca. Chị Th có trách nhiệm trả chênh lệch về tài sản cho anh T trên cơ sở đối trừ các khoản nợ chung, tài sản chung của của vợ chồng

Về án phí: Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được biết. Nguyên đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71; 73 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72; 73 BLTTDS;

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án bị đơn có đơn xin giải quyết vắng

mặt và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại Điều 227; 228 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu Th kết hôn vào ngày 22 tháng 02 năm 2017 được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Định, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng từ ngày 20/04/2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh T đề nghị ly hôn với chị Th.

Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và chị đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị Th đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc anh T xin ly hôn, chị Th nhất trí là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng Anh T và chị Th có 01 con chung là Lê Gia B, sinh ngày 20/08/2017. Hiện con chung đang ở cùng với chị Th.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Anh T và chị Th đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Căn cứ các tài liệu do anh T xuất trình, HĐXX thấy anh T có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo môi trường sống cho con chung cần giao cho anh T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Lê Gia B. Việc anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con là hoàn T tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận

Chị Th có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung:

Anh T và chị Th đều thống nhất vợ chồng có tài sản chung là: 01 nhà mái bằng một tầng xây dựng năm 2019 trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến, 02 chiếc điều hòa nhãn hiệu Sharp, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ ti vi, 01 tủ lạnh 2 cánh, 01 xe máy Vision.

Ngoài ra, chị Th trình bày là vợ chồng chị còn tài sản chung là 01 tivi samsung 49 inches, 01 xe máy Wave màu trắng anh T tự mua và 01 xe ô tô Grand i10 đã bán vào tháng 12 năm 2021 được 195 triệu (chị không rõ người mua là ai và hiện xe đang ở đâu). Chị Th cam đoan trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 15/08/2022 sẽ cung cấp đầy đủ chứng cứ liên quan đến việc bán xe ô tô Grand i10 cho Tòa án. Anh T xác định vợ chồng anh không có 01 tivi samsung 49 inch và 01 xe ô tô Grand i10, 01 xe máy Wave màu trắng như chị Th đã nêu.

Sau khi ly hôn, anh T có nguyện vọng được sở hữu và T quyền sử dụng

ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc điều hòa, 01 tivi lò LG 32 inch, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ tivi, 01 tủ lạnh 2 cánh. Giao cho chị Th sở hữu và T quyền sử dụng 01 xe máy Vision, biển kiểm soát 18B2 - 10382 và không tính giá trị xe vào tài sản chung của vợ chồng. Anh sẽ có trách nhiệm trả tiền chênh lệch cho chị Th sau khi đối trừ công nợ chung của vợ chồng.

Chị Th cũng có nguyện vọng được sở hữu xe máy Vision, BKS 18B2 - 10382 và để anh T sở hữu và T quyền sử dụng ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên đất của bố mẹ anh và T bộ đồ dùng sinh hoạt. Anh T phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch tài sản chung của vợ chồng cho chị.

HĐXX xét thấy tính đến thời điểm xét xử, chị Th vẫn chưa cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh xe ô tô Grand i10 đã bán là tài sản chung của vợ chồng. Đối với 01 chiếc tivi samsung 49 inches, tại thời điểm Tòa án thẩm định, định giá tài sản không thấy có chiếc tivi này, chỉ thấy là 01 tivi LG 32 inch đã cũ. Theo anh T thì vợ chồng anh không có chiếc tivi samsung 49 inches nào. Sau khi định giá tài sản, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho chị Th để tiến hành đối chất về tài sản chung của vợ chồng nhưng chị Th không có mặt nên việc thống nhất tài sản chung của vợ chồng không thực hiện được.

Chị Th có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về việc tranh chấp tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

HĐXX xác định tài sản chung của vợ chồng anh T chị Th gồm: Ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc điều hòa, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ tivi, 01 tủ lạnh 2 cánh, 01 tivi lò LG 32inch. Tổng giá trị tài sản chung là vợ chồng là 356.679.000 đồng.

Giao cho anh T được quyền sở hữu và T quyền sử dụng tài sản chung của vợ chồng là ngôi nhà 01 tầng, mái bằng xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy CNQSD đất mang tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm 02 chiếc Điều hòa nhãn hiệu Sharp, 01 tivi lò LG 32 icnh, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ tivi, 01 tủ lạnh 2 cánh. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T về việc không tính giá trị của chiếc xe Vision biển kiểm soát 18B2-10382 vào tài sản chung của vợ chồng và đồng ý để chị Th sử dụng.

Anh T phải trả tiền chênh lệch tài sản chung cho chị Th là 178.339.500 đồng.

#### [5] Công nợ chung:

Vợ chồng anh T và chị Th đều thống nhất các khoản nợ chung như sau: chị Tuyết 23 chỉ vàng 9999 và 76 triệu đồng, vợ chồng bà Dung và ông Chiến là 05 chỉ vàng 9999, ông Khuê 05 triệu đồng, chị Miên là 20 triệu đồng. Các khoản vay này đều không có lãi suất.

Các khoản vay vợ chồng anh T chị Th không thống nhất:

- Khoản vay của chị Dinh là 5 chỉ vàng và 22 triệu đồng, vay không có lãi. Anh T, chị Dinh đều xác nhận có khoản vay này. Chị Th trình bày không biết khoản vay này và xác định không liên quan.

- Khoản vay 12 triệu của bà Mai Thị Mừng ( mẹ đẻ chị Th) vay không có lãi. Chị Th xác định có khoản vay này, mục đích đóng học cho con và trang trải việc anh T bị tai nạn. Anh T xác định không biết khoản vay này. Bà Mừng đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án và cam kết sẽ trình bày quan điểm và cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay này trong thời hạn tuần kể từ ngày 03/11/2022. Tuy nhiên, đến thời điểm này bà Mừng vẫn không có văn bản trình bày quan điểm và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản vay cho Tòa án.

Bà Mai Thị Mừng có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác đối với anh T, chị Th về việc kiện đòi tài sản nếu như có yêu cầu và chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Khoản nợ 10 triệu tiền vật liệu của bà Trần Thị Mừng, vay không có lãi. Bà Mừng và anh T đều xác định có khoản nợ này, hiện tại vẫn chưa trả tiền cho bà Mừng. Chị Th cũng xác nhận có khoản vay này và đã trả xong tiền cho bà Mừng.

- Khoản vay 130 triệu đồng, lãi suất 0,9 %/tháng của vợ chồng anh Vũ Ngọc Thông và chị Nguyễn Thị Là. Anh Thông, chị Là và anh T đều xác định có khoản vay này, hàng tháng anh T vẫn đều đặn trả tiền lãi hàng tháng (trung bình tiền lãi mỗi tháng là 1.200.000 đồng) và tiền gốc vẫn chưa trả. Chị Th xác nhận có vay vợ chồng anh Thông, chị Là nhưng vay 110 triệu đồng, đã trả 70 triệu đồng. Hiện chỉ còn nợ 40 triệu đồng.

- Khoản vay 10 triệu đồng của bà Sen, vay không có lãi. Bà Sen và anh T đều xác nhận có khoản vay này và hiện tại vẫn chưa trả cho bà Sen. Chị Th cũng xác nhận có khoản vay này nhưng đã trả được 5 triệu đồng. Hiện chỉ còn nợ bà Sen 5 triệu đồng.

- Khoản nợ 10 chỉ vàng 9999 chơi phường của ông Ca, bà Hiền. Ông Ca, bà Hiền và anh T đều xác nhận vợ chồng anh T có chơi phường vào tháng 10 năm 2018 âm lịch. Phường chơi gồm 22 suất chơi, mỗi suất đóng 1 chỉ vàng 9999, một năm đóng 3 lần. Ngày 10/10/2019 âm lịch, chị Th đã rút phường được 22 chỉ vàng 9999 và chị Th có ký vào giấy nhận phường . Vợ chồng anh T đã đóng được 12 chỉ vàng 9999 ( trong đó có vay của vợ chồng ông Ca bà Hiền 02 chỉ vàng) . Còn 10 suất tương đương với 10 chỉ vàng. Chị Th xác nhận có chơi phường của ông Ca, bà Hiền tuy nhiên đã rút phường và đóng xong phường.

Tất cả các khoản vay chị Th không thống nhất với anh T nêu trên, chị Th đều cam đoan sẽ cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc trả nợ trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 15/08/2022 nhưng đến nay chị Th vẫn chưa cung cấp cho Tòa án

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Vợ chồng anh T, chị Th có công nợ chung cụ thể như sau: Chị Tuyết 23 chỉ vàng 9999 và 76 triệu

đồng, vợ chồng bà Dung và ông Chiến là 05 chỉ vàng 9999, ông Khuê 05 triệu đồng, chị Miển là 20 triệu đồng, chị Dinh 05 chỉ vàng và 22 triệu, bà Trần Thị Mừng 10 triệu; vợ chồng anh Thông, chị Là 130 triệu đồng và lãi suất 0,9%/tháng; bà Sen 10 triệu đồng, phường ông Ca và bà Hiền 10 chỉ vàng. Tổng số công nợ chung của vợ chồng anh T, chị Th là 45 chỉ vàng 9999, 273 triệu đồng. Như vậy, anh T, chị Th mỗi người có trách nhiệm trả nợ là 136.500.000 đồng và 22,5 chỉ vàng 9999.

Để đảm bảo có việc thi hành án sau này, HĐXX xét thấy cần thiết giao cho anh Lê Văn T trách nhiệm trả T bộ khoản nợ gốc của các khoản vay của chị Tuyết, chị Dinh, vợ chồng bà Dung và ông Chiến, chị Miển, bà Sen, bà Trần Thị Mừng, phường ông Ca và bà Hiền, vợ chồng anh Thông và chị Là. HĐXX chấp nhận lãi suất thỏa thuận cho vay của vợ chồng anh Thông chị Là là 0.9%/ tháng. Tổng cộng các khoản vay anh T phải trả là 45 chỉ vàng 99% và 268 triệu đồng.

Đối với khoản vay của ông Khuê (cậu ruột của chị Th), để đảm bảo việc thi hành án, cần thiết giao cho chị Th có trách nhiệm trả cho ông Khuê 5 triệu đồng.

HĐXX căn cứ vào giá vàng tại thời điểm xét xử ngày 13/01/2023 là 5.360.000 đồng/01 chỉ vàng 99%. (Nguồn: <https://nongnghiep.vn/gia-vang-hom-nay-13-1-2023>).

Đối trừ giá trị phần tài sản chung mà chị Th được hưởng, phần công nợ chung mà chị Th có nghĩa vụ phải trả cho ông Khuê. Như vậy, chị Th còn phải trả cho anh T số tiền là 72.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị Thu Th.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn T trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Lê Gia B, sinh ngày 20/08/2017. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hiện con chung Lê Gia B đang ở cùng chị Th. Chị Th có trách nhiệm giao con chung là Lê Gia B cho anh T nuôi dưỡng khi anh T có yêu cầu.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung:

3.1. Về tài sản chung: Giao cho anh Lê Văn T sở hữu: 01 nhà 01 tầng, mái bằng tại thửa đất số 409, tờ bản đồ số 3PL1 đã được cấp Giấy CNQSD đất mang

tên hộ ông Lê Văn Chiến và T bộ đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm: 02 chiếc điều hòa nhãn hiệu Sharp, 01 bộ bàn ghế, 01 kệ tivi, 01 tủ lạnh 2 cánh, 01 tivi LG 32 inches. (Các tài sản này hiện anh T đang quản lý).

### 3.2. Về công nợ chung:

#### 3.2.1. Buộc anh Lê Văn T có trách nhiệm trả:

- Chị Lê Thị Tuyết số tiền 76 triệu đồng và 23 chỉ vàng 99%.
- Chị Lê Thị Dinh số tiền 22 triệu đồng và 05 chỉ vàng 99%.
- Bà Lê Thị Dung và ông Lê Văn Chiến số vàng là 05 chỉ vàng 99%.
- Bà Trần Thị Mừng số tiền 10 triệu đồng.
- Chị Nguyễn Thị Miên số tiền 20 triệu đồng.
- Bà Vũ Thị Hiếu và ông Vũ Văn Ca số vàng 12 chỉ vàng 99%.
- Bà Lương Thị Sen số tiền 10 triệu đồng.
- Ông Vũ Ngọc Thông và bà Nguyễn Thị Là số tiền 130 triệu và lãi suất là 0,9%/tháng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3.2.2 Buộc chị Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm trả cho ông Mai Văn Khuê số tiền 5 triệu đồng.

3.3. Buộc chị Nguyễn Thị Thu Th phải trả cho anh Lê Văn T số tiền, vàng gốc chênh lệch của các khoản vay sau khi đối trừ giá trị phần tài sản chung mà chị Th được hưởng là 72.000.000 đồng

### 4. Án phí:

Anh Lê Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001980 ngày 18/05/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

### 5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân

sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã P;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**